

# Hoạt động kinh doanh du lịch cộng đồng của các hộ dân ở vùng đầm phá Tam Giang - Cầu Hai

Cao Thị Thuyết\*, Nguyễn Ngọc Truyền\*\*, Nguyễn Văn Chung\*\*\*, Dương Ngọc Phước\*\*\*\*, Trần Thị Ánh Nguyệt\*\*\*\*\*, Hồ Lê Phi Khanh\*\*\*\*\*, Trương Văn Tuyền\*\*\*\*\*

Nhận ngày 7 tháng 1 năm 2023. Chấp nhận đăng ngày 10 tháng 5 năm 2023.

**Tóm tắt:** Phát triển dịch vụ du lịch là giải pháp chuyển dịch cơ cấu kinh tế thích ứng với bối cảnh suy giảm tài nguyên và biến đổi khí hậu tại vùng đầm phá Tam Giang - Cầu Hai, tỉnh Thừa Thiên Huế. Nghiên cứu này nhằm mục đích khám phá vai trò của hoạt động kinh doanh du lịch đối với thu nhập của người dân vùng đầm phá, cũng như xác định sự tham gia của họ trong hoạt động này. Nghiên cứu<sup>1</sup> được thực hiện dựa trên phỏng vấn bán cấu trúc 134 hộ làm du lịch, phỏng vấn sâu 24 người quản lý và am hiểu tại cộng đồng và thu thập các thông tin thứ cấp liên quan. Kết quả nghiên cứu cho thấy, hoạt động kinh doanh du lịch tại vùng đầm phá Tam Giang - Cầu Hai đóng một vai trò quan trọng trong việc cải thiện thu nhập cho người dân nơi đây. Nhiều dịch vụ được hình thành và phát triển như dịch vụ ăn uống, cung ứng vật tư du lịch và dịch vụ tham quan thắng cảnh. Tuy nhiên, mức độ tham gia của các hộ dân còn hạn chế, mang tính riêng lẻ và tự phát.

**Từ khóa:** Đầm phá Tam Giang - Cầu Hai, dịch vụ du lịch, thu nhập.

**Phân loại ngành:** Xã hội học

**Abstract:** Tourism service development is a solution to transfer economic structure that adapts to the context of resource depletion and climate change in Tam Giang - Cầu Hai lagoon, Thừa Thiên Huế province. This study aims to explore the role of tourism activities in the income of local people, as well as determining their participation in these activities. The study is conducted based on 134 semi-structured interviews with tourism households, 24 in-depth interviews with managers and key informants at locality and collecting related secondary data. The study findings indicated that tourism activity in Tam Giang - Cầu Hai lagoon plays an important role in improving income for local people. Various services were established and developed such as enjoying food, tourism materials supply and sightseeing. But, the participation level of local people is still limited, individuality and spontaneous.

**Keywords:** Tam Giang - Cầu Hai lagoon, tourism service, income.

**Subject classification:** Sociology

## 1. Mở đầu

Hệ thống đầm phá Tam Giang - Cầu Hai (TG-CH), tỉnh Thừa Thiên Huế được biết đến là vùng đầm phá nước lợ lớn nhất khu vực Đông Nam Á, với chiều dài lên đến 68 km chạy dọc 4 huyện và thành phố, gồm huyện Phú Lộc, Phú Vang, Quảng Điền, Phong Điền và thành phố Huế (Van Tuyen et al, 2010; Hoang et al, 2020). Tổng diện tích mặt nước đầm phá là 216 km<sup>2</sup>, liên quan mật thiết với 49.000 ha đồng bằng và 19.000 ha đất cát ven biển. Với sự phong phú đa dạng về tài nguyên thủy sản, đây là nơi sinh sống của nhiều hộ dân có sinh kế đa phần dựa vào nghề khai thác và nuôi trồng thủy sản (Dương Ngọc Phước, 2012). Nhiều loại hình khai thác và nuôi trồng thủy sản đang được người dân áp dụng, như khai thác cố định (nò sáo, chuôm), khai thác di động (lưới, lừ), nuôi cao triều, nuôi thấp triều, nuôi chuyên canh, nuôi xen ghép (Van Chung et al, 2021). Tuy nhiên, tác động của các hiện tượng thời tiết cực đoan như bão, lụt, mặn hóa và ngọt hóa, cộng với

\*\*\* \*\* \* \*\* \* \*\* \* \*\* \* \*\* \* Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế.

Email: caothithuyet@huaf.edu.vn

<sup>1</sup> Cảm ơn Đại học Huế đã hỗ trợ tài chính cho nghiên cứu này thông qua đề tài mã số DHH2022-02-159.

sự suy giảm về tài nguyên thủy sản đã và đang ảnh hưởng đến đời sống và thu nhập của người dân nơi đây. Thực tế này tạo ra những ảnh hưởng tiêu cực đến sinh kế của người dân vùng đầm phá (Hoang et al 2020; Van Chung et al, 2021). Chính vì vậy, việc chuyển đổi và đa dạng hoá sinh kế của hộ sống phụ thuộc và dựa vào tài nguyên đầm phá đang là nhu cầu cấp thiết.

Sự hình thành và phát triển du lịch ở khu vực đầm phá gắn với hoạt động khai thác và nuôi trồng thủy sản đã hình thành các mô hình du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng và dịch vụ du lịch. Những mô hình này đã tạo ra những thay đổi đáng kể cho người dân trong việc xoá đói giảm nghèo và chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn theo hướng tích cực (Hoàng Dũng Hà và cộng sự, 2021; Cổng thông tin điện tử Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Thừa Thiên Huế, 2017). Vậy nên, du lịch cộng đồng tại đầm phá TG-CH là hướng đi được nhiều địa phương lựa chọn để thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội của địa phương. Hướng đi này phù hợp với chủ trương của Chính phủ và được đề cập trong Nghị quyết số 54/NQ-TW. Cụ thể, cơ cấu kinh tế tỉnh Thừa Thiên Huế chuyển dịch theo hướng tăng dịch vụ và công nghiệp, trong đó, du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn. Kinh tế biển và đầm phá đang dần trở thành động lực phát triển kinh tế của tỉnh (Ban Chấp hành Trung ương, 2019). Với sự phong phú đa dạng về tài nguyên thủy sản, cảnh quan thiên nhiên, sự ưu trội về ẩm thực và văn hoá làng chài truyền thống (Nguyễn Thị Hoài Thanh, 2020), đầm phá TG-CH trở thành điểm đến lý tưởng cho khách du lịch (Vietnam Booking, 2022). Đây chính là cơ sở cho việc hình thành và phát triển các dịch vụ du lịch (DVDL) dựa vào nguồn lực của địa phương và cũng là cơ hội để đa dạng sinh kế và nguồn thu nhập cho người dân, tạo động lực cho việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế thích ứng với bối cảnh suy giảm tài nguyên và biến đổi khí hậu (Cổng thông tin điện tử Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Thừa Thiên Huế, 2017).

Các mô hình du lịch dựa vào cộng đồng và du lịch sinh thái đã và đang được hình thành ở vùng đầm phá. Nhiều điểm đến đã được hình thành và đưa vào khai thác như rừng ngập mặn Rú Chá, làng bích họa Ngự Mỹ Thạnh và nhiều hoạt động DVDL đã được phát huy, như chèo thuyền tham quan, trải nghiệm sinh kế, ăn uống, nghỉ dưỡng (Nguyễn Thị Hoài Thanh, 2020; Hoàng Dũng Hà và cộng sự, 2021). Vậy nên, hoạt động du lịch đã thu hút được nhiều người dân tham gia, cũng như sự quan tâm của chính quyền địa phương. Hoạt động này đóng một vai trò to lớn cho sự phát triển kinh tế, xã hội ở địa phương nói chung và cải thiện sinh kế của người dân nói riêng. Nghiên cứu của Kayat (2002) và Thammajinda (2013) đã chỉ ra, sự tham gia chủ động của người dân địa phương trong hoạt động du lịch, kết hợp với sự phân chia lợi ích được nhiều hơn và công bằng hơn sẽ là cơ sở để thay đổi thái độ và hành động trong phát triển du lịch, bảo vệ tài nguyên, hướng đến phát triển bền vững. Hơn nữa, sự thành công của các mô hình du lịch cộng đồng phụ thuộc lớn vào kỹ năng và sự tham gia của người dân địa phương. Các kỹ năng về quản lý, kinh doanh và tiếp thị là những điểm cần được xem xét và nâng cao năng lực cho người dân địa phương. Điều này tạo điều kiện để họ tìm kiếm, kết nối thị trường và thu lợi từ đó (Sebele, 2010).

Tuy nhiên, nhiều vấn đề đang còn tồn tại, tạo ra những rào cản cho sự phát triển của DLCD tại đầm phá. Giá trị tài nguyên vùng đầm phá đang đứng trước nguy cơ dần suy thoái, những giá trị văn hoá truyền thống gắn liền với phong tục tập quán, tín ngưỡng, lễ hội đang dần mất đi những giá trị nguyên bản (Nguyễn Thị Hoài Phúc, 2018). Hoạt động DVDL còn rời rạc, chủ yếu dựa vào tiềm năng đơn lẻ mang tính địa phương; thiếu sự phối hợp giữa các bên liên quan, cũng như xây dựng quy hoạch tổng thể cho du lịch toàn vùng (Nguyễn Thị Hoài Thanh, 2020). Ngoài ra, hệ thống cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch và chất lượng các DVDL vẫn đang còn nhiều hạn chế (Nguyễn Thị Hoài Thanh, 2020; Nguyễn Minh Đạo, Trần Quang Bảo, 2018). Mặc dù đã có nhiều nghiên cứu về hoạt động du lịch ở đầm phá TG-CH và đã chỉ ra vai trò của nó, cũng như những rào cản trong hoạt động này, nhưng các địa phương khác nhau, các loại hình dịch vụ khác nhau hay các điểm đến du lịch khác nhau sẽ có những tầm quan trọng và rào cản khác nhau. Hơn nữa, chưa có nghiên cứu chuyên sâu về vai trò của hoạt động kinh doanh dịch vụ du lịch đối với thu nhập của người dân

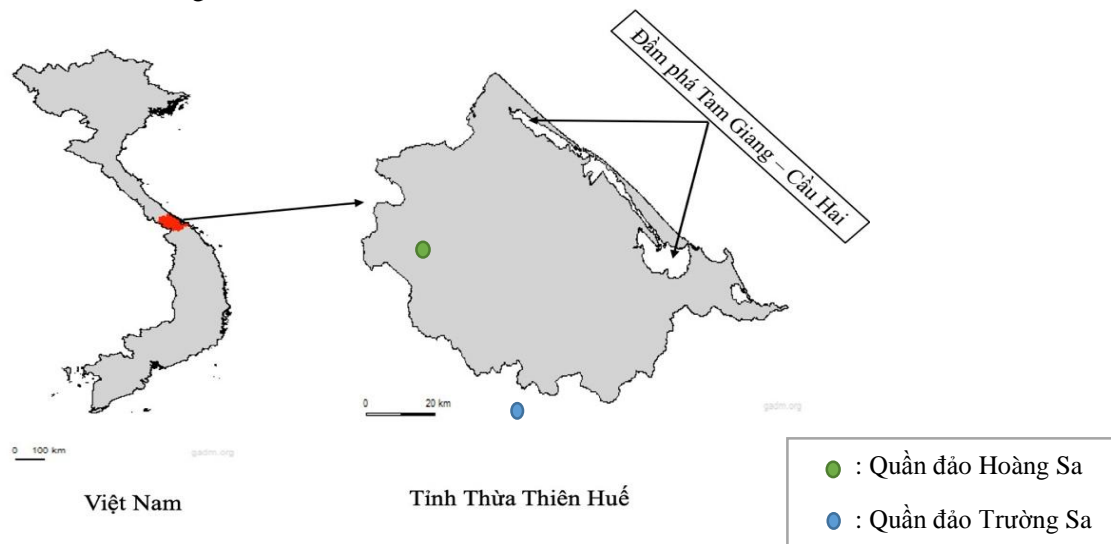
địa phương, cũng như vai trò và sự tham gia của người dân trong hoạt động du lịch, đặc biệt là tại khu vực đầm phá. Trong khi đó, đây chính là hai yếu tố quan trọng để duy trì và phát triển hoạt động du lịch theo hướng bền vững. Chính vì vậy, nghiên cứu này sẽ tập trung khám phá và phân tích hai khía cạnh này. Đây là cơ sở để xác định hiện trạng hoạt động kinh doanh DVDL, đánh giá mức độ quan trọng của hoạt động du lịch và sự cần thiết phải có sự tham gia của người dân trong hoạt động du lịch tại vùng đầm phá.

## 2. Phương pháp nghiên cứu

### 2.1. Địa điểm và đối tượng nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện tại 10 điểm đến du lịch thuộc 5 huyện và thành phố, tỉnh Thừa Thiên Huế. Cụ thể, xã Hương Phong, xã Hải Dương và phường Thuận An thuộc thành phố Huế; xã Quảng Lợi, thị trấn Sịa thuộc huyện Quảng Điền; xã Phú An và xã Vinh Thanh thuộc huyện Phú Vang; xã Vinh Hiền, xã Lộc Bình và thị trấn Lăng Cô thuộc huyện Phú Lộc. Việc lựa chọn các địa điểm nghiên cứu này căn cứ trên tiêu chí: i) các xã đại diện cho 05 huyện, thành phố, nơi có hoạt động DVDL phát triển; ii) nơi có nhiều các hộ dân đang tham gia hoạt động DVDL tại địa phương. Nghiên cứu được tiến hành trong khoảng thời gian từ 12/2020 đến 12/2021.

Hình 1: Địa điểm nghiên cứu



*Nguồn:* Global Administrative Areas (GADM), 2022

Đối tượng nghiên cứu là hoạt động DVDL dựa vào cộng đồng địa phương. Nghiên cứu tiến hành thu thập thông tin từ những hộ dân tham gia trực tiếp HDDL và các tác nhân liên quan. Việc lựa chọn đối tượng cung cấp thông tin căn cứ trên các tiêu chí: những hộ dân đang tham gia các loại hình DVDL tại vùng đầm phá, những hộ tham gia gián tiếp trong hoạt động này (như làm thuê), hay những cá nhân, tổ chức hỗ trợ, quản lý và xúc tiến phát triển hoạt động du lịch tại địa phương, cũng như những người am hiểu về lĩnh vực này.

Cách tiếp cận trong nghiên cứu này được thực hiện dựa trên những quan điểm, hiểu biết và đánh giá của những hộ dân đang tham gia hoạt động du lịch tại địa phương đối với hoạt động kinh tế du lịch của chính họ. Dựa vào đó, nghiên cứu sẽ khám phá và phân tích các nội dung và chỉ tiêu nghiên cứu liên quan đến thu nhập và sự tham gia của DVDL của người dân địa phương. Ngoài ra, nghiên cứu sử dụng bộ tiêu chí xác định sự tham gia của người dân trong hoạt động du lịch tại địa phương do Nguyễn Đoàn Hạnh Dung và Trương Thị Thu Hà (2019) xây dựng để làm cơ sở đánh giá hiện trạng tham gia trong hoạt động du lịch của người dân vùng đầm phá.

## 2.2. Phương pháp thu thập và xử lý dữ liệu

### *Thu thập dữ liệu thứ cấp*

Nghiên cứu tiến hành thu thập các thông tin liên quan đến tình hình thực hiện các hoạt động du lịch tại đầm phá, các kế hoạch và chính sách liên quan đến phát triển du lịch nói chung, du lịch đầm phá nói riêng, tầm quan trọng của du lịch dựa vào tài nguyên và cộng đồng, những khó khăn và thuận lợi trong hoạt động du lịch. Những thông tin này được thu thập từ các báo cáo kinh tế - xã hội của chính quyền địa phương, các kết quả nghiên cứu liên quan đã được xuất bản và các trang thông tin liên quan khác.

### *Thu thập dữ liệu sơ cấp*

Nghiên cứu áp dụng phương pháp phỏng vấn bán cấu trúc để thu thập dữ liệu từ 134 hộ là những hộ tham gia vào hoạt động du lịch tại đầm phá. Thông tin được thu thập liên quan đến đặc điểm của hộ làm du lịch, những hoạt động tạo thu nhập của hộ, những loại hình DVDL đang triển khai, hiệu quả của hoạt động du lịch và mức độ tham gia của người dân địa phương. Ngoài ra nghiên cứu còn tiến hành phỏng vấn 24 người am hiểu, bao gồm đại diện chính quyền địa phương, cán bộ quản lý hoạt động du lịch và tài nguyên đầm phá cấp huyện và tỉnh, thành viên có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực này. Nội dung phỏng vấn người am hiểu tập trung khai thác những thông tin về vai trò của hoạt động kinh doanh DVDL, sự tham gia của người dân, những thuận lợi và khó khăn của hộ làm du lịch, cũng như những định hướng phát triển trong thời gian tới được thu thập. Nghiên cứu sử dụng thang đo Likert với 5 mức độ để đánh giá tầm quan trọng của hoạt động kinh doanh DVDL, cũng như xác định mức độ tham gia của người dân trong các hoạt động.

### *Xử lý dữ liệu*

Dữ liệu thu thập được phân nhóm theo thông tin định tính và định lượng. Nguồn dữ liệu được mã hoá, nhập và quản lý bằng phần mềm Excel và xử lý bằng phần mềm SPSS 16.0. Thông tin định lượng được xử lý bằng toán học (giá trị trung bình, phần trăm, độ lệch chuẩn,...) để phân tích các chỉ số và mô tả các nội dung nghiên cứu. Thông tin định tính được xử lý logic theo từng chủ đề và nội dung nghiên cứu nhằm làm rõ mối quan hệ giữa các yếu tố, bổ sung thông tin và các minh chứng cụ thể, cũng như tham chiếu cho các thông tin định lượng.

## 3. Kết quả và thảo luận

### 3.1. Đặc điểm của các hộ dân làm du lịch tại vùng đầm phá Tam Giang - Cầu Hai

Những giá trị riêng biệt từ phong cảnh, con người, văn hoá, ẩm thực đã và đang tạo nên sức hút cho khách du lịch đến với vùng đầm phá này. Các hoạt động DVDL được hình thành và phát triển, như hoạt động tham quan, ăn uống, mua sắm, lưu trú, trải nghiệm. Những hoạt động này đã thu hút sự tham gia của nhiều hộ dân và tạo ra nhiều sự thay đổi đáng kể cho người dân nơi đây.

Bảng 1: Đặc điểm của các hộ dân làm du lịch

Hạng mục	Đơn vị tính	Số lượng/Tỷ lệ
Giới tính của chủ hộ		
Nam	%	54,5
Nữ	%	45,5
Độ tuổi trung bình của các chủ hộ	Tuổi	44,6
Trình độ văn hoá trung bình của các chủ hộ	Lớp	8,5
Số lao động làm du lịch trung bình/hộ	Người	2,0
Số năm tham gia HDDL trung bình của hộ	Năm	9,5
Loại kinh tế hộ		
Nghèo	%	14,92
Trung bình	%	40,29
Khá	%	44,79

*Nguồn:* Số liệu điều tra, 2021

Các hộ tham gia làm DVDL khu vực đầm phá có tỷ lệ chủ hộ là nam chiếm 54,5%, cao hơn tỷ lệ chủ hộ là nữ. Tuổi trung bình của chủ hộ du lịch là 44,6 tuổi, là độ tuổi có nhiều kinh nghiệm sống trong vùng, am hiểu các địa danh du lịch và tài nguyên của vùng, phù hợp để tham gia DVDL tại địa phương. Bên cạnh đó, trình độ văn hoá của chủ hộ tương đối thấp (lớp 8,5) và số lao động của hộ tham gia hoạt động du lịch hạn chế, thông thường, cả vợ và chồng là những lao động chính tham gia vào lĩnh vực này. Ngoài ra, số năm trung bình tham gia hoạt động du lịch của hộ là 9,5 năm, điều này phản ánh được phần nào kinh nghiệm của người dân trong lĩnh vực này và sự chú trọng tìm kiếm kế sinh nhai của người dân nơi đây khá sớm. Nghiên cứu cũng cho thấy, đa số hộ làm du lịch đều là những hộ thuộc diện hộ trung bình và khá, chiếm khoảng 85%, phản ánh được hiệu quả thực tế mà hoạt động du lịch mang lại. Tuy nhiên, số hộ nghèo vẫn còn tồn tại, chiếm khoảng 15% số hộ làm du lịch.

Ngoài sự khác biệt về các đặc điểm của hộ, nghiên cứu tiến hành tìm hiểu thời điểm bắt đầu tham gia hoạt động du lịch của cộng đồng để đánh giá được xu thế và tầm quan trọng của hoạt động du lịch tại đầm phá. Hơn nữa, thời điểm tham gia cũng cho thấy sự chuyên dịch trong tư duy làm ăn của người dân khi họ muốn tạo nên sự đa dạng các hoạt động tạo thu nhập, cũng như kinh nghiệm trong lĩnh vực này.

Bảng 2: Thời điểm bắt đầu tham gia kinh doanh du lịch của các hộ dân vùng đầm phá

TT	Thời điểm bắt đầu tham gia	Tỷ lệ hộ tham gia (%)
1	Trước 2010	18,9
2	2010-2014	51,9
3	2015-2020	29,2

*Nguồn:* Số liệu điều tra, 2021

Việc tiếp cận và tham gia kinh doanh DVDL của người dân nơi đây khá sớm, có những hộ dân đã bắt đầu triển khai dịch vụ từ năm 1999. Điều này cho thấy, hoạt động này đã không còn xa lạ và người dân đã sớm thay đổi trong tư duy làm ăn trong việc đa dạng hoá nguồn thu nhập dựa vào tài nguyên, tiềm lực sẵn có của địa phương. Giai đoạn từ 2010 đến 2014 là thời điểm người dân tham gia nhiều trong các hoạt động DVDL, chiếm hơn 50% số hộ điều tra. Điều này được lý giải bởi sự thay đổi phương thức làm ăn khi người dân thấy được hiệu quả mang lại của hoạt động DVDL từ những người làm trước; trong khi đó, tài nguyên thuỷ sản ngày càng suy giảm, hoạt động nuôi trồng gặp nhiều khó khăn bởi thời tiết, dịch bệnh và sự biến động giá. Sự tham gia này vẫn có dấu hiệu gia tăng trong những năm gần đây, mặc dù hoạt động du lịch bị tác động nghiêm trọng bởi đại dịch Covid-19 (Đình Thị Tuyết và cộng sự, 2021), nên hoạt động du lịch tại vùng đầm phá cũng bị ảnh hưởng. Khả năng nhân rộng mô hình này đã được phát huy khi người dân chủ động tiếp cận và thực hiện. Vậy nên, hoạt động kinh doanh DVDL đã và đang góp phần quan trọng trong việc nâng cao thu nhập, việc làm và cải thiện sinh kế cho người dân địa phương.

### 3.2. Các hoạt động kinh doanh dịch vụ du lịch của hộ dân tại vùng đầm phá

Các đặc điểm nổi bật của tài nguyên vùng đầm phá với hệ thống cảnh quan thiên nhiên đặc trưng, cũng như sự đa dạng về sản phẩm thuỷ sản với chất lượng cao chính là những lợi thế cạnh tranh của vùng để tạo nên những giá trị từ các hoạt động kinh doanh DVDL. Người dân địa phương đã tận dụng các thế mạnh này để hình thành nên các dịch vụ cung ứng cho khách du lịch, với các loại hình dịch vụ đa dạng.

Bảng 3: Các loại hình dịch vụ du lịch và sự tham gia của người hộ dân tại vùng đầm phá

TT	Hoạt động dịch vụ du lịch	Tỷ lệ hộ dân tham gia (%)
1	Dịch vụ lưu trú	4,5
2	Bán đặc sản và đồ lưu niệm	4,5

3	Dịch vụ tham quan thắng cảnh bằng thuyền	40,3
4	Dịch vụ ăn uống đặc sản địa phương	65,7
5	Dịch vụ trải nghiệm hoạt động sinh kế	16,4
6	Cung ứng vật tư du lịch	46,3
7	DVDL tổng hợp	6

*Nguồn:* Số liệu điều tra, 2021

Thực tế cho thấy, các hộ dân tham gia hoạt động kinh doanh du lịch ở vùng đầm phá đã biết cách tạo nên sự đa dạng các loại hình dịch vụ cho khách du lịch từ ăn uống, nghỉ ngơi, đến tham quan và trải nghiệm. Trong đó, những sản phẩm thủy sản nổi tiếng tạo nên thương hiệu của vùng đầm phá như cá nâu, cá diá, tôm sú, cua... kết hợp với những phương thức chế biến truyền thống, dịch vụ thưởng thức đặc sản đã trở thành các dịch vụ thu hút được nhiều hộ dân tham gia để cung cấp dịch vụ cho khách du lịch, chiếm tỷ lệ 65,7%. Bên cạnh đó, dịch vụ cung ứng vật tư du lịch (sản phẩm thủy sản, nước uống, quà lưu niệm...) và dịch vụ tham quan ngắm cảnh (du thuyền trên đầm phá, chèo thuyền thúng) đã thu hút 46,3% và 40,3% số hộ dân tham gia. Giá trị có được của dịch vụ này là từ sự khác biệt của vùng đầm phá, khi khách du lịch muốn tận mắt thấy cảnh quan, các hoạt động khai thác và nuôi trồng thủy sản của ngư dân nơi đây. Bên cạnh đó, các dịch vụ khác như dịch vụ lưu trú, bán đặc sản và đồ lưu niệm, DVDL tổng hợp cũng đã hình thành và được khai thác, tuy nhiên quy mô và mức độ tham gia của các hộ dân còn hạn chế vì chi phí đầu tư các dịch vụ này cao, trong khi khả năng sinh lời thấp. Vấn đề này cần phải được xem xét để xây dựng hướng đi phù hợp trong thời gian tới tại khu vực đầm phá.

### 3.3. Vai trò của dịch vụ du lịch đối với thu nhập của hộ dân

Bên cạnh việc tham gia các hoạt động kinh doanh DVDL, người dân còn thực hiện các hoạt động khác để đóng góp vào hoạt động du lịch ở vùng đầm phá như nuôi trồng, khai thác thủy sản hay các ngành nghề khác. Nghiên cứu phân tích thu nhập từ hoạt động DVDL của người dân so với các nguồn thu còn lại để thấy được vai trò của hoạt động du lịch trong cơ cấu thu nhập của hộ.

Bảng 4: Các hoạt động tạo thu nhập của hộ dân làm du lịch

Hoạt động tạo thu nhập của hộ	Số lượng (hộ) (N=134)	Thu nhập trung bình (triệu đồng/năm)	Độ lệch chuẩn
Buôn bán thủy sản	10	94,5	57,3
Nuôi trồng thủy sản	28	176	162,8
Khai thác thủy sản	45	91,2	93,7
Dịch vụ du lịch	134	123,2	124,1
Chăn nuôi	9	43,1	55,2
Trồng trọt	3	9	9,5
Làm thuê	16	65,6	25,4
Khác	26	58,6	25,7

*Nguồn:* Số liệu điều tra, 2021

Kết quả nghiên cứu cho thấy rằng, bên cạnh hoạt động kinh doanh DVDL tạo ra nguồn thu cho hộ trung bình khoảng 120 triệu đồng/năm, nuôi trồng và khai thác thủy sản cũng là những hoạt động tạo thu nhập chính cho người dân nơi đây, với giá trị thu được lần lượt là 176 triệu đồng/năm và 91 triệu

đồng/năm. Một số hộ dân còn có nguồn thu nhập từ nuôi trồng thủy sản cao hơn nhiều so với hoạt động du lịch. Điều này đúng với thực tế khi khai thác và nuôi trồng thủy sản chính là sinh kế gắn liền với người dân từ trước đến nay. Ngoài ra, một số hoạt động tạo thu nhập khác được người dân triển khai như trồng trọt, chăn nuôi, làm thuê hay các công việc sơ chế, chế biến, nhưng số lượng hộ tham gia và giá trị nguồn thu không đáng kể. Mặc dù nguồn thu lớn là từ kinh doanh du lịch và nuôi trồng thủy sản, nhưng vẫn còn tồn tại một khoảng cách lớn giữa những hộ có nguồn thu cao từ kinh doanh DVDL hay nuôi trồng và khai thác thủy sản so với những hộ có thu nhập thấp trong cùng lĩnh vực (thể hiện ở giá trị độ lệch chuẩn của khai thác thủy sản, nuôi trồng thủy sản và DVDL lần lượt là 93,7, 162,8 và 124,1). Vậy nên, không phải tất cả các hộ làm du lịch đều đạt hiệu quả kinh tế cao, và vẫn còn một bộ phận hộ dân làm du lịch chưa có kinh nghiệm, nhất là trong dịch vụ giao tiếp, tiếp thị và bán hàng. Đó cũng là những rào cản trong việc tiếp cận khách du lịch và nâng cao thu nhập cho hộ dân làm kinh doanh du lịch. Vậy nên, chính quyền địa phương cần phải quan tâm và hỗ trợ nhóm hộ dân này trong việc nâng cao năng lực và nâng cấp các loại hình dịch vụ.

Nghiên cứu sử dụng thang đo Likert với 5 mức độ (1 - Hoàn toàn không quan trọng, 2 - Không quan trọng, 3 - Khá quan trọng, 4 - Quan trọng, 5 - Rất quan trọng) để người dân đánh giá về vai trò của hoạt động kinh doanh DVDL đối với thu nhập của hộ, cũng như để khẳng định vai trò của hoạt động DVDL tại địa phương. Kết quả nghiên cứu cho thấy, 89% người dân lựa chọn từ mức 3 trở lên, điều này khẳng định vai trò quan trọng của hoạt động kinh doanh DVDL tại đầm phá. Mặc dù vẫn còn 11% số hộ đánh giá ở mức không quan trọng và hoàn toàn không quan trọng, nhưng không thể phủ nhận vai trò của hoạt động du lịch tại đầm phá trong bối cảnh suy giảm tài nguyên và tác động của biến đổi khí hậu (Hoang et al, 2020; Van Chung et al, 2021).

Bảng 5: Đánh giá vai trò của hoạt động kinh doanh dịch vụ du lịch đối với thu nhập của hộ dân

Thang đo Likert	1	2	3	4	5
Số lượng (hộ)	9	6	43	40	36
Tỷ lệ (%)	6,7	4,5	32,1	29,9	26,9

Nguồn: Số liệu điều tra, 2021

### 3.4. Vai trò của dịch vụ du lịch đối với bảo tồn và phát triển văn hoá, tài nguyên thủy sản, cảnh quan và môi trường

Bên cạnh những đóng góp quan trọng của DVDL vào thu nhập của người dân địa phương, nghiên cứu tiếp tục đánh giá vai trò của DVDL ở những khía cạnh khác, như vấn đề bảo tồn các giá trị văn hoá bản địa, sự thay đổi về cảnh quan vùng đầm phá, tài nguyên thủy sản và vấn đề môi trường tự nhiên. Việc đánh giá này dựa trên hiểu biết, quan điểm và ý kiến của người dân đối với các nội dung này thông qua 3 mức độ - “thay đổi tiêu cực”, “không thay đổi” và “thay đổi tích cực”, kết quả đánh giá được thể hiện ở bảng 6.

Bảng 6: Đánh giá của hộ tham gia DVDL về vai trò của dịch vụ du lịch đối với văn hoá, tài nguyên, môi trường và cảnh quan

Hạng mục	Tỷ lệ % số hộ đánh giá về vai trò của hoạt động dịch vụ du lịch		
	Tiêu cực	Không thay đổi	Tích cực
Bảo tồn giá trị văn hoá	30,5	68,6	0,9
Thay đổi cảnh quan của vùng	8,5	35,6	55,9
Thay đổi môi trường tự nhiên	27,1	29,7	43,2
Thay đổi tài nguyên thủy sản	35,6	23,7	40,7

Nguồn: Số liệu điều tra, năm 2021

Thực tế cho thấy trên 40% hộ tham gia DVDL cho rằng hoạt động DVDL đã có những ảnh hưởng tích cực đến sự thay đổi cảnh quan, môi trường tự nhiên và tài nguyên thủy sản. Điều này được thể hiện thông qua những hoạt động cải tạo cảnh quan từ đường giao thông, trang trí nhà cửa, hệ thống cây xanh được trồng mới, hay hệ thống thủy đạo được quản lý và sắp xếp để tạo đường di chuyển cho thuyền tham quan. Hơn nữa, sự phát triển của DVDL đã tạo nên sự chuyển đổi trong các hoạt động tạo thu nhập, khi một bộ phận ngư dân chuyển từ khai thác thủy sản sang làm dịch vụ, hay các phương pháp khai thác huỷ diệt có dấu hiệu giảm, khi có hoạt động tham quan đậm phá thường xuyên của du khách và người dân địa phương.

Cùng với những mặt tích cực, hoạt động DVDL vẫn có những ảnh hưởng tiêu cực được các hộ tham gia DVDL đề cập đến, bao gồm: ảnh hưởng đến các giá trị văn hoá (30,5%) như thay đổi về cách nói chuyện, ứng xử của ngư dân hay làm hư hại các di sản văn hoá; ảnh hưởng đến tài nguyên thủy sản (35,6%) và môi trường tự nhiên (27,1%) khi các vấn đề về rác thải, xả thải từ các dịch vụ ăn uống hay sinh hoạt của du khách đã ảnh hưởng đến chất lượng nguồn nước và gây ô nhiễm môi trường, cảnh quan. Chính vì vậy, việc phát triển DVDL khu vực đầm phá đã chứng minh được vai trò quan trọng của nó đối với cuộc sống của người dân địa phương, nhưng sự phát triển hoạt động này cần phải được các cấp ban ngành quan tâm và quản lý chặt chẽ nhằm phát huy những mặt tích cực từ DVDL mang lại và hạn chế hay loại bỏ những mặt tiêu cực gây nguy hại cho khu vực đầm phá nói riêng và vấn đề phát triển bền vững nói chung.

### 3.5. Sự tham gia của người dân trong hoạt động du lịch địa phương

Để hoạt động DVDL thực sự phát huy tiềm năng, sự tham gia của người dân là một trong những yếu tố quan trọng, góp phần cho sự thành công của hoạt động này. Vậy nên, việc huy động người dân tham gia từ lập kế hoạch đến triển khai và giám sát các hoạt động là cơ sở cho sự thành công trong chiến lược phát triển du lịch của mỗi địa phương. Để xác định mức độ tham gia của người dân vào hoạt động du lịch, nghiên cứu sử dụng bộ tiêu chí xác định sự tham gia trong hoạt động du lịch của Nguyễn Đoàn Hạnh Dung và Trương Thị Thu Hà (2019) làm căn cứ tham chiếu. Dựa trên 23 tiêu chí này, nghiên cứu đã tiến hành thu thập thông tin tại điểm nghiên cứu. Tuy nhiên, vì nhiều chỉ tiêu không được thực hiện tại địa phương và người dân chưa biết đến, nên nghiên cứu đã tổng hợp còn 10 tiêu chí phù hợp với thực tế địa phương và phân thành 03 nhóm từ lập kế hoạch đến thực hiện và giám sát, đánh giá hoạt động DVDL. Hơn nữa, để hiểu rõ hơn mức độ tham gia của người dân tích cực hay không trong từng hoạt động cụ thể, nghiên cứu sử dụng thang đo Likert với 5 mức độ (1 - Không tham gia, 2 - Tham gia ít, 3 - Tham gia trung bình, 4 - Tham gia tích cực, 5 - Tham gia rất tích cực) để người dân đưa ra những đánh giá dựa trên quan điểm, hiểu biết và thực tiễn tham gia của họ.

Bảng 7: Đánh giá của người dân trong việc tham gia hoạt động du lịch tại địa phương

Nội dung	Hoạt động	Số hộ tham gia (%) (N=134)	Giá trị trung bình thang đo Likert (điểm)	Độ lệch chuẩn
Lập kế hoạch	Tham gia họp bàn về phát triển DVDL tại địa phương	32,1	3,3	1,2
	Tham gia lập kế hoạch hoạt động DVDL tại địa phương	17,9	3,0	1,3
Vận hành, thực hiện hoạt động du lịch	Được chia sẻ lợi ích từ du lịch	67,2	3,4	1,4
	Đóng góp công lao động cho du lịch	48,5	3,6	1,2
	Đóng góp tài chính cho du lịch	64,2	2,4	1,4



Đánh giá, giám sát	Đóng góp vật chất (vật liệu, phương tiện)	55,2	2,8	1,4
	Truyền thông, quảng bá hoạt động du lịch	63,4	3,2	1,2
	Tham gia khảo sát đánh giá về hiệu quả du lịch	20,1	3,4	1,3
	Tham gia xây dựng chỉ tiêu đánh giá hiệu quả du lịch	23,1	3,0	1,3
	Được tiếp cận báo cáo kết quả hoạt động du lịch	20,1	2,7	0,6

*Nguồn:* Số liệu điều tra, năm 2021

Thực tế, khi tham gia vào hoạt động du lịch tại vùng đầm phá, các hộ dân địa phương đều được tham gia vào tất cả các hoạt động với các mức độ tham gia khác nhau. Trong đó, hoạt động vận hành, thực hiện hoạt động du lịch đã huy động được nhiều hộ dân tham gia, đặc biệt là trong đóng góp tài chính, truyền thông, quảng bá du lịch và chia sẻ lợi ích từ du lịch, với tỷ lệ người dân tham gia lần lượt là 64,2%, 63,4% và 67,2%. Tuy nhiên, việc tham gia của người dân vào lập kế hoạch hay giám sát, đánh giá còn hạn chế. Hơn nữa, mức độ tham gia của người dân trong các hoạt động ở mức trung bình và thấp khi điểm trung bình của thang đo dao động xung quanh mức 03 điểm. Kết quả này phản ánh đúng thực tế khi người dân chỉ chú trọng thực hiện công việc của cá nhân một cách tối ưu (tỷ lệ tham gia cao trong khâu thực hiện), trong khi các vấn đề như lập kế hoạch, giám sát, đánh giá các kết quả đạt được mang tính cộng đồng hầu như không được chú trọng. Mặc dù chủ trương của chính quyền địa phương là hướng đến xây dựng mô hình du lịch dựa vào cộng đồng bền vững, trong đó, người dân địa phương được xác định là tác nhân trọng tâm trong xây dựng và phát triển du lịch đầm phá, nhưng mức độ tham gia các hoạt động này đang còn hạn chế, rời rạc và vẫn còn những khoảng trống nhất định giữa định hướng phát triển và thực tế tham gia của người dân.

#### 4. Kết luận và kiến nghị

Hoạt động kinh doanh DVDL đã và đang trở nên quan trọng trong việc cải thiện thu nhập và đa dạng hoá sinh kế cho người dân vùng đầm phá TG-CH. Hoạt động này dần trở thành nguồn thu chính trong cơ cấu thu nhập của hộ làm du lịch, cũng như thu hút được sự tham gia đông đảo của người dân địa phương, với sự đa dạng về các loại hình DVDL. Cung cấp các món ăn đặc sản địa phương, cung cấp vật tư du lịch và ngắm cảnh vùng đầm phá đang là ba dịch vụ chiếm ưu thế. Mặc dù còn có một số loại hình DVDL khác tại đầm phá, nhưng các dịch vụ đó chưa phát huy được tiềm năng, cũng như thu hút sự tham gia của người dân. Ngoài ra, sự tham gia của người dân trong hoạt động du lịch còn mang tính riêng lẻ, tự phát; trong khi việc tổ chức hoạt động du lịch mang tính chất cộng đồng cũng chưa có sự tham gia tích cực của người dân địa phương, đặc biệt là trong giai đoạn lập kế hoạch và giám sát, đánh giá. Vậy nên, để phát triển mô hình du lịch dựa vào cộng đồng, phát huy thế mạnh vùng đầm phá, cần phải có phương thức tổ chức và huy động sự tham gia của người dân. Trong đó, cần quy hoạch loại hình DVDL phù hợp với đặc điểm của vùng đầm phá và khả năng tham gia của người dân để tận dụng tối đa lợi thế cạnh tranh và gia tăng thu nhập cho người dân địa phương, hướng đến phát triển du lịch bền vững.

#### Tài liệu tham khảo

Ban Chấp hành Trung ương. (2019). *Nghị quyết số 54-NQ/TW, Nghị quyết của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*. Hà Nội.

Công thông tin điện tử đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Thừa Thiên Huế. (1/5/2017). Đẩy mạnh phát triển đầm phá Tam Giang - Cầu Hai. <https://thuathienhue.gov.vn/vi-vn/Chinh-sach-moi/tid/Day-manh-phat-trien-dam-pha-Tam-Giang-Cau-Hai/newsid/A615D02E-4B16-4D32-AD47-A75F008EDC43/cid/2BEA0540-FCA4-4F81-99F2-6E8848DC5F2F>

Dương Ngọc Phước. (2021). *Mô hình bảo tồn nguồn lợi thủy sản dựa vào cộng đồng ở phá Tam Giang - Cầu Hai, Thừa Thiên Huế, Việt Nam*. Luận văn Thạc sỹ. Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế.

Đinh Thị Tuyết, Nguyễn Thị Thu Thủy, Nguyễn Thị Thanh Nhân, Trần Việt Hoàng, Đỗ Văn Phúc. (2021). Tác động của dịch bệnh Covid-19 đến ngành du lịch Việt Nam. Đại học Quốc gia Hà Nội, DOI: <https://osf.io/bjdek/>

Hà Nam Khánh Giao, Huỳnh Diệp Trâm Anh. (2021). Thực trạng và một số giải pháp nhằm phát triển du lịch Đồng Nai. *Kinh tế - Kỹ thuật*. Số 12.

Hoàng Dũng Hà, Nguyễn Quang Tân, Võ Thị Phương Thảo, Huỳnh Văn Chương, Phạm Hữu Ty, Nguyễn Thị Diệu Hiền, Nguyễn Văn Chung. (2021). Hiện trạng và mô hình phát triển du lịch dựa vào cộng đồng tại Thừa Thiên Huế. *Hue University Journal of Science: Agriculture and Rural Development*, 130(3A): 53-69.

Hoang, H. D., Momtaz, S., Schreider, M. (2020). *Assessing the vulnerability of small-scale fishery communities in the estuarine areas of Central Vietnam in the context of increasing climate risks*, *Ocean & Coastal Management*. 196,105302.

Kayat, K. (2002). *Power, social exchanges and tourism in Langkawi: Rethinking resident perceptions*. *International journal of tourism research*. 4(3):171-191.

Nguyễn Đoàn Hạnh Dung, Trương Thị Thu Hà. (2019). *Sự tham gia của cộng đồng địa phương trong phát triển du lịch tại làng Thanh Thủy Chánh, Huế*. *Hue University Journal of Science: Social Sciences and Humanities*, 128(6D): 101-119.

Nguyễn Minh Đạo, Trần Quang Bảo. (2018). *Du lịch sinh thái trong các vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên khu vực miền Trung và Tây Nguyên: Lý thuyết và Thực tiễn*. Kỷ yếu hội thảo quốc tế: Bảo tồn đa dạng sinh học và phát triển bền vững khu vực miền Trung và Tây Nguyên lần thứ I. Đà Nẵng.

Nguyễn Thị Hoài Phúc. (2018). *Khai thác các giá trị văn hóa phi vật thể của cư dân vùng ven biển Thừa Thiên Huế trong phát triển du lịch bền vững*. *Hue University Journal of Science: Social Sciences and Humanities*, 127(6A): 39-46.

Nguyễn Thị Hoài Thanh. (2020). Đánh giá hiện trạng, nguyên nhân và đề xuất giải pháp phát triển du lịch sinh thái dựa vào cộng đồng tại khu vực Đầm Chuồn, tỉnh Thừa Thiên Huế. *Khoa học Ngôn ngữ và Văn hóa*. Số 4(3).

Sebele, L. S. (2010). *Community-based tourism ventures, benefits and challenges: Khama rhino sanctuary trust, central district. Botswana*, *Tourism management*, 31(1), 136-146.

Thammajinda, R. (2013). *Community participation and social capital in tourism planning and management in a Thai context*. Doctoral dissertation, Lincoln University.

Van Chung, N., Abwao, M., Ha, H. D., Uy, T. C., Dung, N. T. (2021). *Linking smallholder fish farmers to output markets: the dominance of collectors in aquaculture of Tam Giang lagoon, Central Vietnam*. *Forum Geografic*, 20(2): 201-211.

Van Tuyen, T., Armitage, D., Marschke, M. (2010). *Livelihoods and co-management in the Tam Giang lagoon, Vietnam*. *Ocean & Coastal Management*, 53(7), 327-335.

Vietnam Booking. (2022). Một ngày thưởng thức vẻ đẹp hút hồn của phá Tam Giang. <https://www.vietnambooking.com/du-lich/blog-du-lich/mot-ngay-thuong-thuc-ve-dep-hut-hon-cua-pha-tam-giang.html>